

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 10 - 4 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Tâm

Ông Cao Văn Quyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Q định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST ngày 25/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị S, sinh ngày 01/01/1957.

Địa chỉ: ấp F, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh ngày 01/01/1978.

Địa chỉ: ấp A A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị S trình bày: Bà Huỳnh Thị S là hội viên còn bà Trần Thị T là chủ hội của 02 dây hội cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi tháng 5.000.000 đồng mở ngày 04/01/2023 âm lịch. Dây hụi này có 17 phần, bà S tham gia 01 phần bà đóng hụi sống được 10 lần số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 50.000.000 đồng, đến tháng 10/2023, bà T tuyên bố bẻ hụi không khui hụi nữa. Nhưng bà T không trả lại tiền hụi cho bà.

+ Dây 2: Hụi tháng 5.000.000 đồng mở ngày 15/4/2023 âm lịch. Dây hụi này có 15 phần, bà S tham gia 01 phần bà đóng hụi sống được 05 lần số tiền đóng tính có lãi theo chơi hụi là 25.000.000 đồng, đến tháng 10/2023 bà T tuyên bố bẻ hụi không khui hụi nữa. Nhưng bà T không trả lại tiền hụi cho bà.

Tổng cộng bà T còn nợ tiền hụi của bà S 75.000.000 đồng.

Nay bà Huỳnh Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà S số tiền hụi còn nợ là 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

- Đối với bị đơn bà Trần Thị T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, thông báo về tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đến giai đoạn xét xử. Nhưng bà Trần Thị T vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản hay ý kiến gì gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Kiều T1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục:*

[1] Đối với bị đơn bà Trần Thị T, tòa án đã triệu tập hợp lệ đến để công khai, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử thì bị đơn đều vắng mặt, không có người đại diện tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thị T.

** Về quan hệ tranh chấp:*

[2] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T trả tiền hụi tổng cộng là 75.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Nguyên đơn trình bày về nội dung yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 75.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi

tham gia góp hội, phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc tham gia góp hội trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên việc tham gia góp hội giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Bị đơn có tham gia góp hội đối với nguyên đơn đã thể hiện qua danh sách những người tham gia góp hội và nguyên đơn đã đóng hội cho bị đơn gồm đây hội 500.000 đồng mở ngày 04/01/2023 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng; đây hội 5.000.000 đồng mở ngày 15/4/2023 âm lịch số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng số tiền của các đây hội là 75.000.000 đồng, hiện nay bị đơn chưa trả nguyên đơn. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; buộc bị đơn bà [Trần Thị T](#) phải trả cho nguyên đơn bà [Huỳnh Thị S](#) số tiền nợ hội là 75.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 468; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

- Căn cứ Điều 15, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà [Trần Thị T](#) phải trả cho nguyên đơn bà [Huỳnh Thị S](#) số tiền nợ hụi là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả **lãi** cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn bà [Trần Thị T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 75.000.000 đồng x 5% = 3.750.000 đồng.

Nguyên đơn bà [Huỳnh Thị S](#), sinh năm 1957 là người cao tuổi (trên 60 tuổi), nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách, Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhẫn